

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-02-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hiệu;

2. Lương Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2022/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5A, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Khu 4, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Trung C, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5A, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 71, khu 7 + 9, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/10/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Đào Trung C được tự do tìm hiểu nhau rồi mới tiến tới hôn nhân. Anh chị tự nguyện kết hôn và được hai bên

gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục. Ngày 18/10/2004, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đào Trung C không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Đào Trung C nhiều lần đánh đập chị Lê Thị Đ. Vì gia đình khuyên giải và anh Đào Trung C đã xin lỗi nên chị không yêu cầu ly hôn nhưng tình cảm vợ chồng đã ạn nhạt dần. Đến đầu năm 2022 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng và không còn tình cảm với nhau. Tháng 4/2022 chị Lê Thị Đ ra ngoài thuê chỗ ở và bán hàng, không chung sống với anh Đào Trung C nữa. Tháng 7/2022, chị Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng anh Đào Trung C xin lỗi chị nên chị đã rút đơn để đoàn tụ. Sau khi chị rút đơn ly hôn thì anh Đào Trung C vẫn không thay đổi nên chị Lê Thị Đ cũng không về nhà. Thời gian ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, anh chị không ai có hành động hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Tết nguyên đán Quý Mão 2023 vừa qua chị Lê Thị Đ không về nhà ăn tết vì anh Đào Trung C đã đưa người phụ nữ khác về nhà ăn cơm và giới thiệu là vợ chưa cưới. Nay chị Lê Thị Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau và yêu cầu được ly hôn với anh Đào Trung C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đào Phương T, sinh ngày 21/6/2005 và cháu Đào Bảo C, sinh ngày 11/4/2008. Hiện nay cả hai con đang sống với anh Đào Trung C. Cháu Đào Phương T đang học lớp 12 trường THPT N, cháu Đào Bảo C đang học lớp 9 trường THCS N. Do chị Lê Thị Đ đang thuê nhà, không có chỗ ở ổn định và chỉ làm công việc bán quần áo nên không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con. Vì vậy, chị Lê Thị Đ yêu cầu anh Đào Trung C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đào Phương T và cháu Đào Bảo C đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng/ tháng cho mỗi con đến khi con đủ 18 tuổi từ ngày 01/3/2023.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đào Trung C trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn đúng như chị Lê Thị Đ đã trình bày. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng do nhiều nguyên nhân, không phải chỉ từ phía anh Đào Trung C. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Khi chị Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn vào tháng 7/2022 thì anh cũng đã động viên chị Lê Thị Đ rút đơn để đoàn tụ gia đình. Cuối năm 2022 chị Lê Thị Đ tiếp tục yêu cầu ly hôn thì anh Đào Trung C vẫn mong chị Lê Thị Đ suy nghĩ lại. Tết nguyên đán Quý Mão 2023 anh có bảo các con gọi chị Lê Thị Đ về ăn tết nhưng chị không về. Người phụ nữ đến chơi tết và ở lại ăn cơm cùng gia đình anh chỉ là bạn bè thôi. Nay, chị Lê Thị Đ cương quyết ly hôn thì anh Đào Trung C chưa đồng ý ly hôn vì để một thời gian nữa khi con gái lớn học xong lớp 12 và con trai nhỏ học xong lớp 9 thì anh sẽ đồng ý. Về con chung: Anh Đào Trung C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Đào Phương T, sinh ngày 21/6/2005 và cháu Đào Bảo C, sinh ngày 11/4/2008 đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Đào Trung C yêu cầu chị Lê Thị Đ cấp dưỡng nuôi con

là 1.500.000 đồng/ tháng cho mỗi con đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Lê Thị Đ chịu lãi suất chậm trả. Anh Đào Trung C có chỗ ở ổn định tại số 71, khu 7 + 9, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và làm kinh doanh có thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/ tháng, được mẹ là bà Quán Thị Liên hỗ trợ việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Anh Đào Trung C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì gia đình anh đang kinh doanh ổn định, không tranh chấp với ai.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/11/2022, cháu Đào Phương T và cháu Đào Bảo C trình bày: Khi bố mẹ ly hôn các cháu không biết sống với ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị Đ và anh Đào Trung C kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Tháng 7 năm 2022, chị Lê Thị Đ đã yêu cầu ly hôn nhưng đã rút đơn. Sau đó, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Thời gian ly thân không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Anh Đào Trung C thừa nhận không còn tình cảm với chị Lê Thị Đ nhưng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Chị Lê Thị Đ xin ly hôn với anh Đào Trung C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Đào Trung C. Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Đào Trung C có 02 con chung là cháu Đào Phương T, sinh ngày 21/6/2005 và cháu Đào Bảo C, sinh ngày 11/4/2008. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai con sống cùng anh Đào Trung C; chị Lê Thị Đ không có chỗ ở ổn định, anh Đào Trung C có chỗ ở ổn định, được gia đình hỗ trợ chăm sóc các cháu. Tại phiên tòa chị Lê Thị Đ đồng ý cho anh Đào Trung C nuôi dưỡng cả hai con chung và đồng ý mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/con. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho các cháu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Đào Phương T, sinh ngày 21/6/2005 và cháu Đào Bảo C, sinh ngày 11/4/2008 cho anh Đào Trung C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi; chị Lê Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng/1 con từ ngày 01/3/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi và không phải chịu lãi suất chậm trả do anh Đào Trung C không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đào Trung C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5A, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 71, khu 7 + 9, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Đào Trung C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 18/10/2004. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị Đ và anh Đào Trung C là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Tháng 7/2022 chị Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn nhưng rút đơn để đoàn tụ gia đình. Sau đó, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng hơn. Thời gian ly thân, anh chị không ai có hành động hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Lê Thị Đ cương quyết yêu cầu ly hôn nhưng anh Đào Trung C chưa đồng ý ly hôn vì muốn các con có thời gian yên tâm học tập. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cha mẹ có trách nhiệm và nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giáo dục con chung ngay cả khi đã ly hôn. Vì vậy, sự ràng buộc bởi con chung không phải là căn cứ để buộc vợ chồng phải chung sống với nhau khi tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị Đ và anh Đào Trung C đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Đào Trung C có 02 con chung là cháu Đào Phương T, sinh ngày 21/6/2005 và cháu Đào Bảo C, sinh ngày 11/4/2008 hiện đang sống cùng anh Đào Trung C. Chị Lê Thị Đ và anh Đào Trung C đều thống nhất ý kiến đề nghị giao cả hai con chung cho anh Đào Trung C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị Đ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng cho mỗi con từ ngày 01/3/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi theo yêu cầu của anh Đào Trung C. Tuy các cháu Đào Phương T và Đào Bảo C không thể hiện nguyện vọng được sống cùng bố hay mẹ nhưng xét thấy anh Đào Trung C có chỗ ở ổn định, có việc làm và thu nhập, được mẹ đẻ giúp đỡ, hỗ trợ việc nuôi dưỡng con chung nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, cần giao cháu Đào Phương T, sinh ngày 21/6/2005 và cháu Đào Bảo C, sinh ngày 11/4/2008 cho anh Đào Trung C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung

định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng cho mỗi con từ ngày 01/3/2023 đến khi con đủ 18 tuổi và không phải chịu lãi suất chậm trả vì anh Đào Trung C không yêu cầu. Chị Lê Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Đào Trung C. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2004, đăng ký ngày 18/10/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao cháu Đào Phương T, sinh ngày 21/6/2005 và cháu Đào Bảo C, sinh ngày 11/4/2008 cho anh Đào Trung C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hằng tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi con kể từ ngày 01/3/2023 đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lê Thị Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị Đ đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005202 ngày 04/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lê Thị Đ phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

